

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận lô sản phẩm nhập khẩu
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCHN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

*Xét báo cáo ngày 02/01/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNTPTNT cho 02 sản phẩm; QCVN 02-32-1:2019/BNNTPTNT cho 01 sản phẩm của Công ty TNHH xuất nhập khẩu WMW, địa chỉ: Số 36 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với lô hàng nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH xuất nhập khẩu WMW được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH xuất nhập khẩu WMW, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh;
- Giám đốc TT (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Yến

Phụ lục
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Giấy đăng ký Kiểm dịch/Mã hồ sơ	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Complex Enzyme CE802 (HQ.25.00417) (Nhóm Chế phẩm enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm prebiotic)	BNNPTNT29 240031494	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	1,0	TCVN 9126:2011
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	Bacillus Subtilis (HQ.25.00418) (Nhóm Chế phẩm enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm prebiotic)			Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017



STT	Tên sản phẩm	Giấy đăng ký Kiểm dịch/Mã hồ sơ	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
3	AQUA NITRIT (HQ.25.00419) (Nhóm chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)	BNNPTNT29 240031494	Viên Nghiên cứu Công nghệ sinh học và Môi trường	<i>Paracoccus</i> spp.	CFU/g	1,1x10 ⁶	TCCS 01:2022 /RIBE-VS
			Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
				<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH - không phát hiện

